

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+RC6+TD5	7:15	2+0+20	0+0+0		0+0+20	0+0+0	chuyen 1 Rc6-Td5(p9)
2		TD3+BK21+TTC1	7:25	22+0+0	0+0+0		13+0+0	0+0+0	chuyen 2 bk21-TTC1
3		CU+RP1+P2	9:25	8+0+14	0+0+0		6+1+14	0+0+0	
4		BK16+CTK3+TD5	11:25	2+16+3	0+0+0		0+12+3	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

gửi? chi Mai

DATE: 13/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD3 - BK21 - TTC1	CREW: ĐỨC - HƯC - TDUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

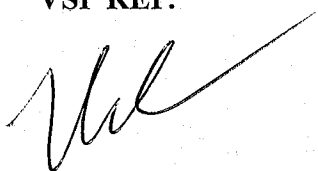
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THƯƠNG	TD3	40-41	2	8	75	74	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOAN QUANG BÁC	TD3	46	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG MINH TOAN	TD3	47	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
4	LAI THÈ ĐẠT	TD3	42-43	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO TIỀN THIẾT	TD3	50	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD3	51-52	2	10	25	65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOAN VĂN LEO	TD3	35	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	44	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VĂN CHUNG	TD3	32	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	45	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN THẮNG	TD3	48	1	6	22	81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	55-56	2	17		72	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THAI SƠN	TD3	59-60	2	15		55	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC HAI	TD3	61	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD3	57-58	2	18		52	CODIEN	Vietnamese
16	BAEV YURY	TD3	53	1	8		90	ANTOAN	Russian
17	VÕ QUỐC THANH	TD3	37-38	2	13		78	XAYLAP	Vietnamese
18	LÂM HỮU TÙNG	TD3	36	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD3	39	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
20	DANG XUAN TRUONG	TD3	34	1	8		50	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VŨ THUẬT	TD3	33	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG XUAN ĐƯỢC	TD3	54	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

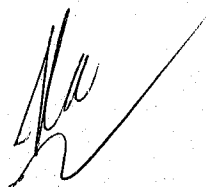
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	29	213	1.522	122	13		CHUYEN 2 PAX BK21-TTC1
2	BK21	0	0	0	0	0	0 + 2		
3	TTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	29	213	1.522	122	13		
WEIGHT KG				213	1.522	122			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: RC5 - RC6 - TD5	CREW: XHOÀN - CHIẾN - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

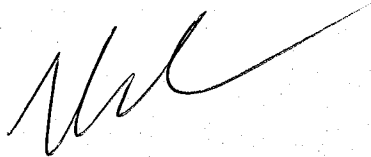
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC ANH	RC5	33	1	15	40	79	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THƯA THAI	RC5	32	1	9		63	CODIEN	Vietnamese
3	KARIMOV TAGIR G.	TD5	47	1	18		86	D-HANH	Russian
4	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	50	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	90	1	10		89	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	49	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	53-54	2	14		90	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN DUY	TD5	88-89	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	46	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	55,500	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	43	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DUY	TD5	95,97	2	18		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CƯƠNG	TD5	93-94	2	11		64	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN LINH	TD5	91-92	2	17		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	51	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	52	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN KHUU	TD5	45	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	TD5	96	1	11	25	60	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM THANH TÙNG	TD5	48	1	15		95	KHOAN	Vietnamese
20	NIKITIN NIKOLAI	TD5	44	1	10		93	ANTOAN	Russian
21	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	98-99	2	16		74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

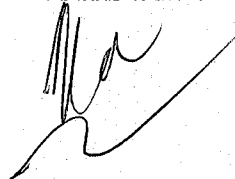
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	2	2	24	142	40	0		CHUYEN 1 KHACH RC6-TD5
2	RC6	0	0	0	0	15	0 + 1		
3	TD5	19	26	208	1.436	25	20		
TOTAL		21	28	232	1.578	80	20		
WEIGHT KG				232	1.578	80			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: CLI - RP1 - P2	CREW: XHOÀN - CHIẾN - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HAI	CLI	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH VU	CLI	91	1	10	180	70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG PHU	CLI	92	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI					70	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN DƯ	CLI	95	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THU TRANG	CLI	96-97	2	10		72	PSV	Vietnamese
7	BUI NGOC TAN	CLI	98	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	PHAN TRUNG THANH	CLI	94	1	5		75	PSV	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐĂNG HIỆN	P2	72	1	5		70	NAM TIEN	Vietnamese
10	DƯƠNG NGỌC THƯỜNG	P2	71	1	5		60	NAM TIEN	Vietnamese
11	LÊ QUANG ĐỨC	P2	69	1	5		85	NAM TIEN	Vietnamese
12	LÊ QUANG PHÚC	P2	66	1	5		60	NAM TIEN	Vietnamese
13	NGO ĐỨC TRƯỞNG	P2	75	1	5		50	NAM TIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY DUNG	P2	70	1	5		83	NAM TIEN	Vietnamese
15	LUU QUÝ TRUNG	P2	67	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN TIẾN	P2	74	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MAU SƠN	P2	65	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LINH	P2	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN TEO	P2	02	1	5		53	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	P2	77	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	TRẦN MINH THUẬN	P2	68	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	TẠ QUANG PHÚC	P2	73	1	5		110	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	8	8	50	577	180	6		
2	RP1	0	0	0	0	0	1		
3	P2	14	14	70	991	0	15		
TOTAL		22	22	120	1.568	180	22		
WEIGHT KG				120	1.568	180			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 4	TO: BK16 - CTK3 - TD5	CREW: TUYỀN - ĐNam - NNam	ETA: 14:00
HONG - 3			

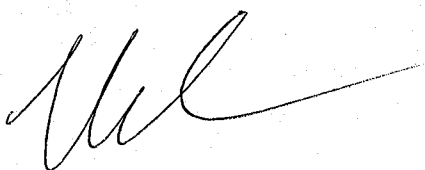
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK16	88	1	12	15	90	ANTOAN	Vietnamese
2	NGÔ VĂN TÌNH	BK16	89-90	2	17		59	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÚ THĂNG	CTK3	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	79	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH VƯƠNG	CTK3	46	1	4		105	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	CTK3	17	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HOANG	CTK3	76	1	7		77	ANTOAN	Vietnamese
8	NGÔ MINH PHƯƠNG	CTK3	79-80	2	15		84	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CHUNG	CTK3	77-78	2	20		74	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	578	1	6	10	66	SANBAY	Vietnamese
11	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	10	1	4	25	71	PSV	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	13-14	2	5		82	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN BAC	CTK3				70	70	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN MINH	CTK3	60	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG TUNG	CTK3	11	1	7		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	12	1	10		59	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HOANG	CTK3	81	1	6		77	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	TD5	02	1	10		78	NHATHAU	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5				18	73	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TÌNH	TD5	03	1	6		93	PSV	Vietnamese
21	DOAN VAN MUOI	TD5					62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

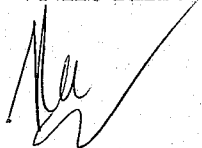
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	3	29	149	15	0		
2	CTK3	15	17	107	1.106	105	12		
3	TD5	4	2	16	306	18	3		
TOTAL		21	22	152	1.561	138	15		
WEIGHT KG				152	1.561	138			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN